

Số: 4051 /QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2013

lqc: *and p... (eb)*

Ph... (eb)
B... (eb)

22/2/015

QUYẾT ĐỊNH
Về duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu)
tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hà Thanh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ
(quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 8885 / 13010 Ngày: 26/8 / 2013

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCXDVN 01:2008/BXD);

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2188/TTr-SQHKT ngày 11 tháng 7 năm 2013 về trình duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hà Thanh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hà Thanh, xã Long Hòa, huyện Cần Giò (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc xã Long Hòa, huyện Cần Giò, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Đông giáp : khu dân cư Hòa Hiệp.

+ Tây giáp : đường Hòa Hiệp.

+ Nam giáp : sông Dinh Bà.

+ Bắc giáp : đường Lương Văn Nho.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 66,13 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu chỉnh trang kết hợp xây dựng mới và xây dựng mới.

2. Cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch phân khu:

Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Cần Giò.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án quy hoạch phân khu:

Công ty TNHH Xây dựng - Kiến trúc Miền Nam (ACSA).

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đề án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.

+ Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.

+ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Thời hạn quy hoạch: đến năm 2025 (theo thời hạn quy hoạch của đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giò được duyệt).

5.2. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch : 5.500 người.

5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	120,24	
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	55,80	
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong đơn vị ở			
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang kết hợp xây dựng mới	m ² /người	30,36	
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới			
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang			
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	m ² /người	6,15	
	+ Hành chính	m ² /người	1,09	
	+ Giáo dục:	m ² /người	4,69	
	* Trường mẫu giáo		1,05	
	* Trường tiểu học		3,64	
	+ Y tế	m ² /người	0,37	
	- Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	2,40	
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực		13,28 km/km ²	
D	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng chung	%	30 - 35	
	Hệ số sử dụng đất	lần	1,5	
	Tầng cao xây dựng	Tối đa	tầng	4
		Tối thiểu	tầng	1

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Toàn khu vực quy hoạch gồm 1 đơn vị ở và các khu chức năng cấp đô thị ngoài đơn vị ở được xác định như sau:

a. Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở :

a.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (nhóm nhà ở): tổng diện tích 16,70 ha.

Trong đó:

- Khu ở (nhóm nhà ở) hiện hữu chính trang: tổng diện tích 3,31 ha.

Đây là khu có mật độ dân cư hiện hữu cao, bám dọc theo trục đường giao thông hiện hữu.

+ Diện tích : 3,31 ha.

+ Dân số : 1031 người.

- + Mật độ xây dựng : 35% - 50%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa : 4 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,0.

- Khu ở (nhóm nhà ở) hiện hữu chính trang kết hợp xây dựng mới: tổng diện tích 8,12 ha.

Đây là khu có mật độ dân cư hiện hữu không cao và bám theo đường quy hoạch Lương Văn Nho có lộ giới lớn.

- + Diện tích : 8,12 ha.
- + Dân số : 2674 người.
- + Mật độ xây dựng : 35% - 50%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa: 4 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,0.

- Khu ở (nhóm nhà ở) xây dựng mới: tổng diện tích 5,45 ha

- + Diện tích : 5,45 ha.
- + Dân số : 1795 người.
- + Mật độ xây dựng : 35% - 50%.
- + Tầng cao xây dựng tối đa: 4 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất tối đa : 2,0.

* Lưu ý: mật độ xây dựng tại các khu vực dân cư hiện hữu chính trang là mật độ xây dựng trung bình toàn ô, đối với các công trình nhà liên kế thuộc khu vực này: các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cụ thể trên từng lô đất sẽ được xác định theo các quy chế, quy định hiện hành (không áp dụng yếu tố cộng thêm và tầng cao không vượt quá tầng cao khống chế trong đồ án này).

a.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích 3,38 ha; bao gồm:

- Khu hành chính xây dựng mới: diện tích 0,60 ha.
- Khu chức năng giáo dục: tổng diện tích 2,58 ha, trong đó:
 - + Trường mẫu giáo xây mới: diện tích 0,58 ha.
 - + Trường tiểu học xây mới: diện tích 2,0 ha.
- Khu chức năng y tế xây mới: diện tích 0,20 ha.

a.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng: tổng diện tích 1,32 ha.

a.4. Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: diện tích 9,29 ha, dài 4,075 km, mật độ giao thông 13,28km/km² (16,89 m²/người).

b. Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở:

b.1. Khu cây xanh sử dụng công cộng ngoài đơn vị ở: công viên cây xanh tập trung diện tích 6,72 ha, mật độ xây dựng ≤ 5%, tầng cao xây dựng 1 tầng, hệ số sử dụng đất 0,05.

b.2. Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: (từ đường khu vực trở lên) diện tích 4,41 ha.

b.3. Đất tôn giáo: diện tích 0,15 ha.

b.4. Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị: diện tích 9,79 ha.

b.5. Đất cây xanh cảnh quan dọc kênh rạch: diện tích 4,01 ha.

b.6. Mặt nước (hồ bù lấp rạch): diện tích 1,20 ha.

b.7. kênh rạch (sông Dinh Bà): diện tích 9,16 ha.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị trong đơn vị ở:

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chi tiêu (m ² /người)	Mật độ xây dựng Tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa
						Tối thiểu	Tối đa	
1	Đất đơn vị ở	30,69	54,42	55,80				
1.1	Đất nhóm nhà ở :	16,70		30,36				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang kết hợp xây dựng mới	8,12			50	1	4	2,0
	- Đất nhóm nhà ở xây dựng mới	5,45			40	1	4	1,6
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu chính trang	3,31						
1.2	Đất công trình dịch vụ đô thị :	3,38		6,15				
	- Đất giáo dục:	0,60		4,69				
	+ Trường mẫu giáo	2,58		1,05	40	1	2	0,8
	+ Trường tiểu học	0,58		3,64	40	1	3	1,2
	- Đất hành chính	2,00			40	1	2	0,8
	- Đất y tế	0,20			40	1	3	1,2
1.3	Đất cây xanh sử dụng công cộng	1,32	30,27	2,40	≤ 5	1	1	0,05
1.4	Đất giao thông từ đường cấp phân khu vực trở lên	9,29		16,89				
		4,075 km		13,28 km/km ²				
2	Đất ngoài đơn vị ở :	35,44	15,31	64,44	-			
	- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	9,79						
	- Đất tôn giáo	0,15						
	- Mặt thoáng bù lấp rạch	1,20		2,18				
	- Công viên cây xanh	6,72		12,22	≤ 5	1	1	0,05

- Đất cây xanh cảnh quan dọc kênh	4,01		7,29				
- Đất giao thông từ đường khu vực trở lên	4,41		7,74%				
- Kênh rạch (sông Dinh Bà)	9,16						
Tổng cộng	66,13	100	quy mô dân số 5.500 người				

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

7.1. Bố cục không gian kiến trúc toàn khu:

Các khu chức năng chính (dân cư, công trình công cộng, cây xanh,...) được bố trí nối kết, xen cài với nhau, vừa có không gian hiện đại, vừa tạo cảnh quan sinh động hài hòa với môi trường thiên nhiên của khu vực ngoại thành được mệnh danh là lá phổi xanh của thành Phố.

- Khu dân cư: gồm khu dân cư hiện hữu cải tạo chỉnh trang, hiện hữu cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới và xây dựng mới. Chủ yếu xây dựng nhà liên kế phố, liên kế vườn, nhà vườn có tầng cao từ 1 - 4 tầng. Đây cũng là nét đặc trưng của khu vực, các loại hình nhà liên kế phố nên chiếm tỷ lệ thấp và chỉ bố trí dọc các tuyến đường chính, đáp ứng cho dịch vụ thương mại.

- Khu công trình công cộng: hiện nay đa phần được bố trí dọc trục đường giao thông (do các cơ sở đã hiện hữu),... phục vụ chủ yếu là các đơn vị ở. Các công trình này được xây dựng với tính thẩm mỹ cao sẽ góp phần tạo bộ mặt kiến trúc hiện đại cho khu vực và sẽ là điểm nhấn của khu vực.

- Khu công viên cây xanh tập trung: là không gian cần thiết không thể thiếu trong các đơn vị ở, điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan đẹp, sinh động trong các khu ở,...

- Dãy cây xanh cảnh quan dọc sông: tất cả sông rạch trong khu vực lập quy hoạch đều được xác định khoảng lùi theo quy định hiện hành, phân cây xanh cảnh quan dọc biển này cũng có chức năng là công viên (dạng hồ trợ) tăng tính thẩm mỹ cho khu vực.

7.2. Bố cục các khu vực trọng tâm, tuyến điểm:

Khu vực trọng tâm, điểm nhấn của khu quy hoạch chủ yếu sẽ là các công trình công cộng, công viên cây xanh. Trong khu quy hoạch các khu vực này được bố trí nằm dọc trục đường giao thông chính, sẽ là điểm nhấn về kiến trúc và cảnh quan cho khu quy hoạch. Ngoài ra khu công viên cây xanh là yếu tố quyết định tạo cảnh quan cho khu vực, cây xanh công viên kết hợp với hồ cảnh, mặt nước là đặc tính của thiên nhiên ưu đãi cho khu vực lập quy hoạch.

7.3. Các yêu cầu về tổ chức và bảo vệ cảnh quan:

Khu vực dọc sông rạch cần phải có khoảng cách ly an toàn bảo vệ bờ sông. Trong dãy cách ly có thể tổ chức thành các mảng xanh công viên với cây xanh, thảm cỏ, đường dạo nhằm tăng quy mô và diện tích khoảng xanh cho khu vực.

7.4. Các yêu cầu về khu vực cấm và hạn chế xây dựng:

- Khu vực cấm xây dựng: là các khu vực trong hành lang an toàn bảo vệ bờ sông, tuyến điện, lộ giới.

- Khu vực hạn chế xây dựng: các công viên cây xanh tại các nhóm nhà ở. Tại khu vực này chỉ cho phép xây dựng công trình 1 tầng với mật độ không quá 5%.

8. Quy hoạch giao thông đô thị:

Mạng lưới giao thông đề xuất của đồ án quy hoạch phù hợp định hướng điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ đã được phê duyệt, trong đó tuyến chính là đường Lương Văn Nho, ngoài ra dọc biển Đông còn có đường cấp phân khu vực được kết nối hợp lý với các khu vực lân cận

- Quy hoạch các tuyến giao thông đối ngoại: đường Lương Văn Nho là tuyến chính cấp khu vực.

- Về giao thông đối nội: là các tuyến đường phân khu vực chi tiết các tuyến được mô tả trong bảng thống kê giao thông dưới đây:

STT	Tên đường	Từ...	Đến...	Lộ giới (mét)	Chiều rộng (mét)		
					Lề trái	Mặt đường	Lề phải
A	Đường cấp khu vực trở lên						
1	Lương Văn Nho	Hòa Hiệp	Đường số 5	40	8,5	10,5-2-10,5	8,5
2	Đường B	Đường A	Đường số 6	30	7,5	15	7,5
B	Đường phân cấp khu vực						
3	Hòa Hiệp	Lương Văn Nho	Đường A	20	4,5	11	4,5
4	Đường A (dọc sông)	Hòa Hiệp	Đường số 6	20	4,5	11	4,5
5	Đường C	Đường số 3	Đường số 5	20	4,5	11	4,5
6	Đường số 1	Lương Văn Nho	Đường A	16	4	8	4
7	Đường số 2	Lương Văn Nho	Đường A	16	4	8	4
8	Đường số 3	Lương Văn Nho	Đường B	20	4,5	11	4,5
9	Đường số 4	Lương Văn Nho	Đường B	16	4	8	4
10	Đường số 5	Lương Văn Nho	Đường A	30	7,5	15	7,5
11	Đường số 6	Đường B	Đường A	16	4	8	4

* Ghi chú:

- Khoảng lùi xây dựng (chi giới xây dựng) được xác định theo các Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị, các đồ án thiết kế đô thị riêng (được thiết lập sau khi đồ án này được phê duyệt) hoặc căn cứ vào Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và các Quy định về kiến trúc đô thị được cấp thẩm quyền ban hành.

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ công tác quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu này.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hà Thanh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông).

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số của đồ án và theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Cần Giờ; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án; theo đó, các dự án phát triển nhà ở cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, muông, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để có kế hoạch tổ chức lập các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định, phù hợp với nội dung đồ án hoặc lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc các đồ án thiết kế đô thị riêng tại các khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực đặc trưng, khu vực cảnh quan đặc thù, khu vực dọc các tuyến đường quan trọng mang tính chất động lực phát triển.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

- Chậm nhất 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nội dung quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ phần quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của đồ án, trình thẩm định, phê duyệt bổ sung theo quy định.

- Sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ cần yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hà Thanh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (nội dung quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) để trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc phê duyệt theo Chỉ thị số 24/2012/CT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Hà Thanh, xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình huyện Cần Giờ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Long Hòa và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D. 38

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

